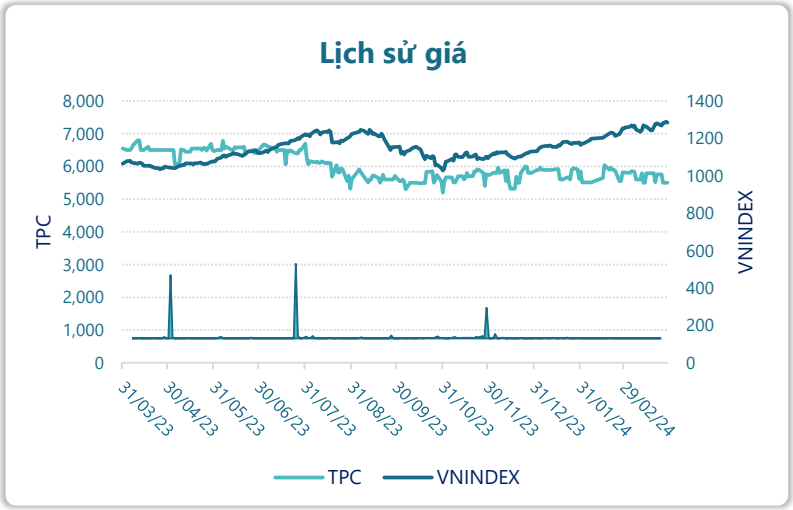
FireAnt

CTCP Nhựa Tân Đại Hưng (HSX: TPC)



Thông tin giao dịch	31/03/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**5,500**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	6,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	5,200
SL cổ phiếu LH	22,516,956
KLGD BQ 20 phiên (CP)	55,280
% sở hữu nước ngoài	1.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	124
P/E	-4.0
EPS	-1,380

DT thuần

Q1/24

87.9

tỷ VNĐ

QoQ: ▼80.1| -47.7%

YoY: ▼52.1| -37.2%

LN sau thuế

Q1/24

1.70

tỷ VNĐ

QoQ: ▼7.71| -81.9%

YoY: ▲ 10.5| 119%

Tỷ suất lãi EBIT

2023

-6.3%

+/- YoY: ▼ 9.0%

DT thuần

2023

567

tỷ VNĐ

YoY: ▼466| -45.1%

LN sau thuế

2023

-48.8

tỷ VNĐ

YoY: ▼63.8| -426%

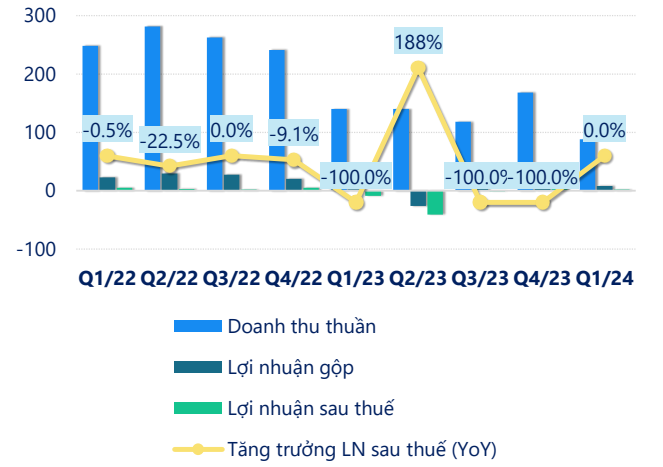
ROE

2023

-15.7%

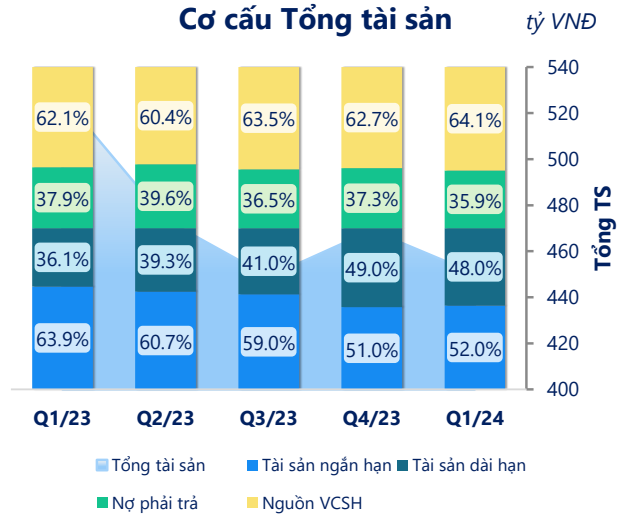
+/- YoY: ▼ 20.1%

Kết quả kinh doanh



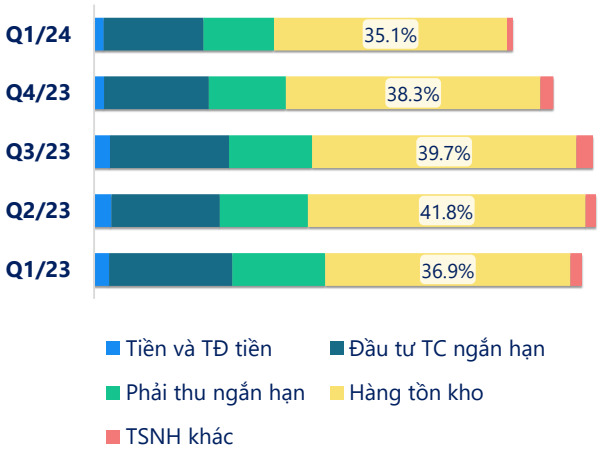
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



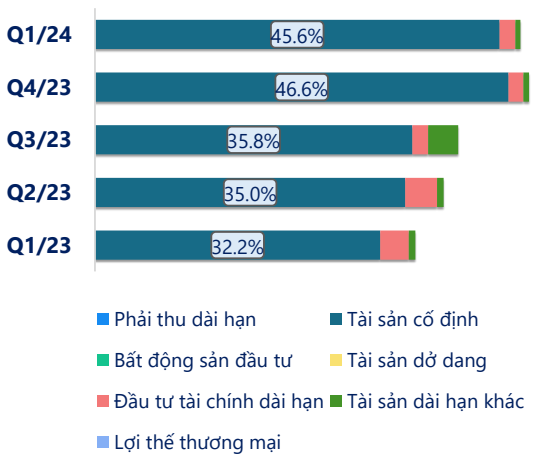
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



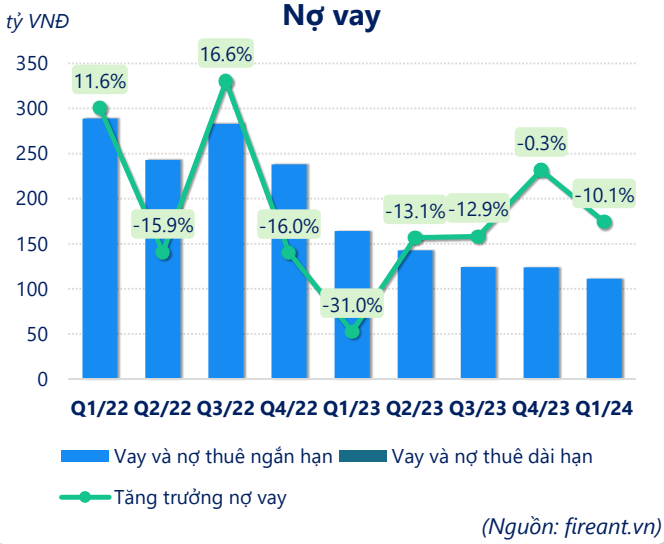
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



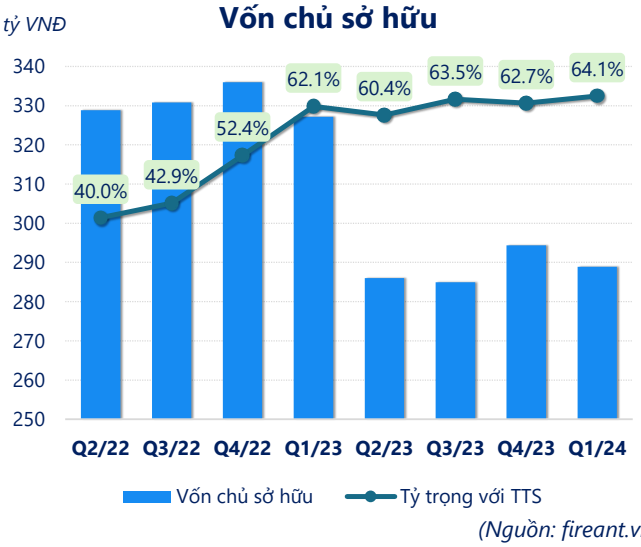
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



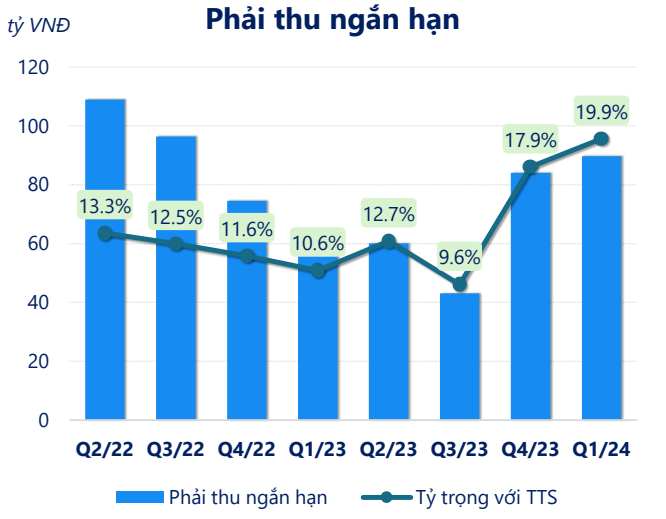
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



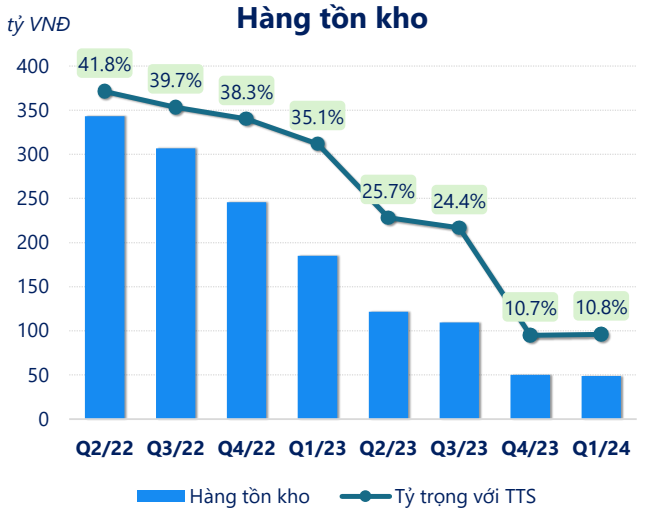
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



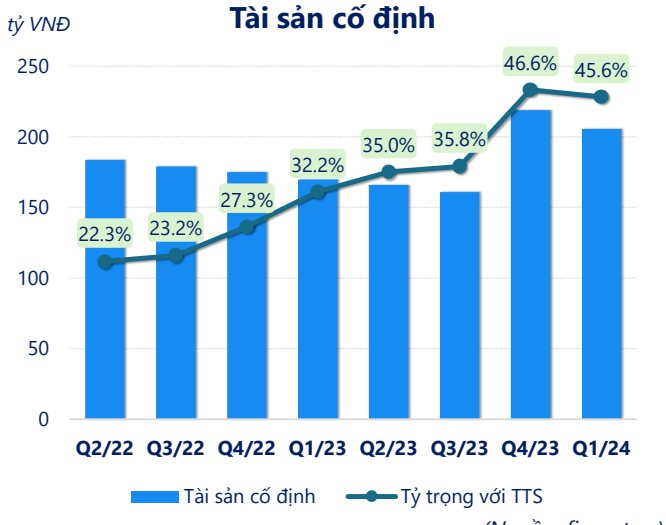
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



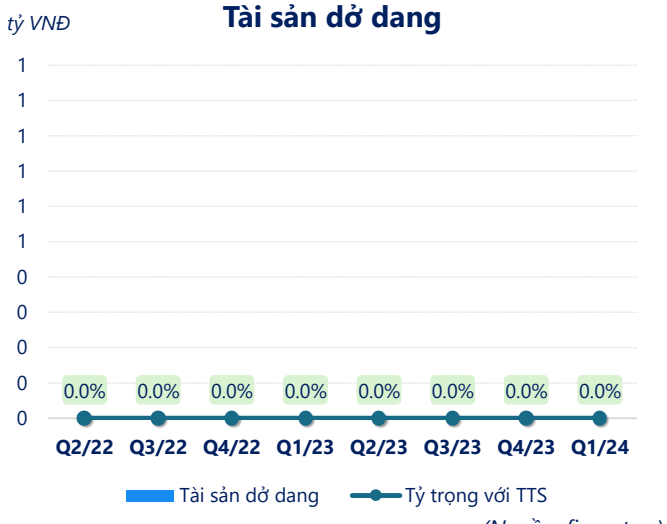
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



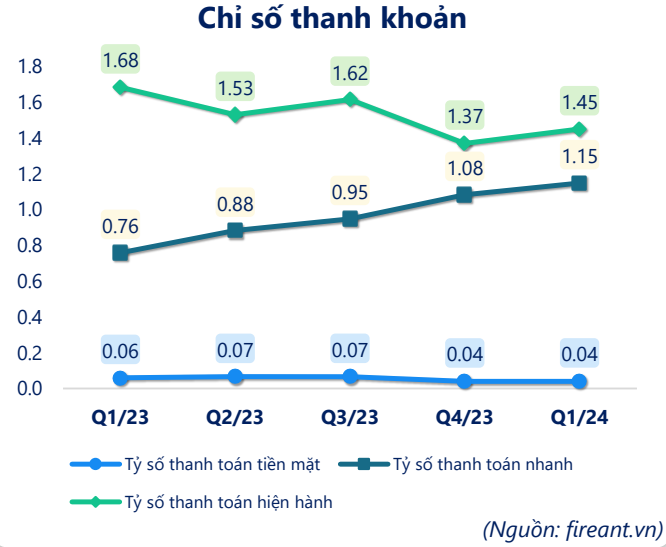
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



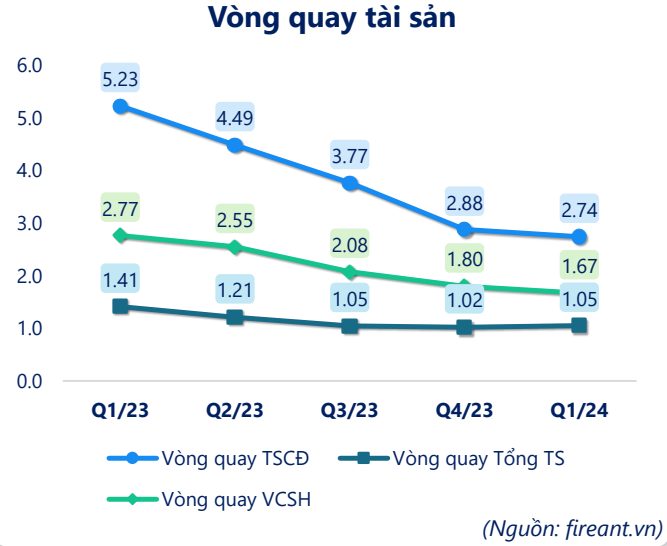
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Tổng tài sản	**527**	**474**	**449**	**469**	**450**
Tài sản ngắn hạn	**337**	**287**	**265**	**239**	**234**
Tiền và tương đương tiền	12.0	12.4	10.8	6.98	6.51
Đầu tư tài chính ngắn hạn	79.2	88.2	92.0	82.0	78.1
Phải thu ngắn hạn	55.9	60.1	43.1	84.1	89.7
Hàng tồn kho	185	122	109	50.1	48.7
Tài sản ngắn hạn khác	4.59	5.17	9.67	16.2	11.1
Tài sản dài hạn	**191**	**186**	**184**	**230**	**216**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	170	166	161	219	206
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	17.0	17.0	8.00	8.00	8.00
Tài sản dài hạn khác	3.82	3.52	15.3	2.92	2.62
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**200**	**188**	**164**	**175**	**161**
Nợ ngắn hạn	**200**	**188**	**164**	**175**	**161**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	164	143	124	124	111
Phải trả người bán ngắn hạn	22.6	19.7	21.0	36.3	27.6
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**327**	**286**	**285**	**294**	**289**
Vốn chủ sở hữu	**327**	**286**	**285**	**294**	**289**
Vốn điều lệ	244	244	244	244	244
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)